TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/11/2022.
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc.

Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An– Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10/10/2022, về việc "*tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HN, ngày 10/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Thạch S, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Thạch Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông S xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/1998 tại UBND xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, bà và ông S do mai mối, không có quen biết nhau trước, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới không có cho. Sau ngày cưới, bà và ông S sống chung được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, ông S ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm danh dự

nhân phẩm bà nhiều lần, ông còn hành hung đánh đập bà nên không thể nào sống được, đến tháng 06 năm 1998 bà bỏ về nhà mẹ ruột sống rồi ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian 24 năm qua, ông S không qua thăm bà, không rước bà về nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Sanh.

- *Về con chung:* Bà D và ông S chung sống không có sinh con.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Bà không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn ông Thạch S vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà D, xử cho bà D được ly hôn với ông S; về con chung không có; về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc bà Thạch Thị D nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy ông Thạch S là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất, ông Thạch S vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà D khởi kiện ông S yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy bà D và ông S xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/1998 tại UBND xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

- *Bà Thạch Thị D khai*: Sau ngày cưới, bà và ông S sống chung được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do ông S ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm danh dự nhân phẩm bà nhiều lần, ông S còn hành hung đánh đập bà nên không thể nào sống được, đến khoảng tháng 6 năm 1998 bà bỏ về nhà mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay hơn 24 năm, ông S không qua thăm cũng không rước bà về, do thời gian ly thân quá lâu, nên tình cảm không còn. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thạch S.

- *Đối với ông S*: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông S nhận để ông tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ông S đều vắng mặt không lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần nhất, ông S tiếp tục vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai đề ngày 27/10/2022 ông S đồng ý ly hôn với bà D, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông S xảy ra từ tháng 6 năm 1998 đến nay, ông bà đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, bà D và ông S đã sống ly thân nhau hơn 24 năm, nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với ông S, còn ông S cũng đồng ý ly hôn với bà D, từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà D, xử cho bà D được ly hôn với ông S là đúng quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Bà Thạch Thị D và ông Thạch S chung sống không có sinh con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình giải quyết vụ án bà D và ông S không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị D có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thạch Thị D.

- *Về hôn nhân:* Xử cho bà Thạch Thị D được ly hôn với ông Thạch S.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc bà Thạch Thị D nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012511, ngày 10/10/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Bà Thạch Thị D đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Bà Thạch Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Ông Thạch S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.